

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2023/DS-ST
Ngày: 10-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thiện;
2. Bà Hoàng Thị Ngọc Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Phượng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Phan Văn A, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Nhà số A, tổ B, ấp PT, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. **Bị đơn:** Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15-5-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 13-6-2022 chị T vay của ông số tiền 1.150.000.000; các bên xác lập hợp đồng vay tài sản được Văn phòng Công chứng B công chứng số 7154, quyền số 15/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13-6-2022; các bên thỏa thuận:

+ Thời hạn vay là 01 năm.

+ Lãi suất thoả thuận bằng lời nói là 4%/tháng. Ông đã nhận tiền lãi của chị T được 05 tháng (từ tháng 7 đến tháng 11 năm 2022), nhưng mỗi tháng chị T chỉ trả cho ông được số tiền 30.000.000 đồng và nợ lại tiền lãi 16.000.000 đồng; như vậy, tiền lãi đã nhận của chị T là 150.000.000 đồng và tiền lãi chị T nợ lại 05 tháng là 96.000.000 đồng.

Sau đó, chị T không tiếp tục trả tiền lãi cho ông nên đến ngày 11-02-2023 các bên gặp nhau tính tiền lãi, chị T xác nhận còn nợ ông tiền lãi là 388.000.000 đồng nên chị T viết “giấy mượn tiền” ghi số tiền mượn là 370.000.000 đồng và “Giấy mượn tiền bổ sung” ghi số tiền mượn là 18.000.000 đồng; nhưng thực chất 02 khoản tiền này là tiền nợ lãi; các bên thoả thuận 01 tháng chị T phải trả tiền lãi 30.000.000 đồng với hình thức 10 ngày trả lãi một lần số tiền 10.000.000 đồng nhưng sau 10 ngày thì chị T không trả như cam kết nên đến ngày 28-02-2023 ông nộp đơn khởi kiện chị T; chị T tìm gặp năn nỉ nên ông rút lại đơn khởi kiện.

Đến ngày 14-3-2023 chị T viết giấy cam kết 10 ngày trả tiền lãi 10.000.000 đồng tức là 01 tháng trả 30.000.000 đồng và mỗi tháng ông đồng ý cho chị T thiếu lại tiền lãi là 16.000.000 đồng và phải hoàn thành trả lãi thiếu 05 tháng trước đó là 96.000.000 đồng; thời hạn trả nợ gốc số tiền 1.150.000.000 đồng là 6 tháng. Tuy nhiên, chị T thực hiện không đúng cam kết, trả nhiều lần chỉ được số tiền lãi là 42.000.000 đồng, không trả số tiền nợ lãi là 96.000.000 đồng; nên ông tiếp tục khởi kiện chị T.

Như vậy, tổng cộng tiền lãi mà ông đã nhận của chị T là 192.000.000 đồng.

Ông xác định từ ngày 13-6-2022 đến ngày 15-5-2023 (ngày nộp đơn khởi kiện) thì tổng nợ của chị T là: Tiền nợ gốc 1.150.000.000 đồng + 370.000.000 đồng tiền lãi + 18.000.000 đồng tiền lãi + 96.000.000 đồng tiền lãi nợ lại = 1.634.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu chị T trả số tiền 1.634.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 16-5-2023 đến khi xét xử sơ thẩm xong vụ kiện với mức lãi suất 4%/tháng của số tiền nợ gốc 1.150.000.000 đồng.

Chị Trần Thị Kim T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên toà: Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính lãi theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng đối với Chị Trần Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản; buộc chị T có trách nhiệm trả cho ông A số tiền nợ gốc 1.150.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 13-6-2022 đến nay sau khi đã khấu trừ số tiền lãi ông A đã nhận của chị T là 192.000.000 đồng; đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền từ giao dịch dân sự vay tài sản giữa các bên. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết và tại phiên Toà hôm nay bị đơn đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn tài liệu do nguyên đơn cung cấp, bao gồm: “Hợp đồng vay tài sản” ngày 13-6-2022, “Giấy mượn tiền” ngày 11-02-2023, “Giấy mượn tiền (bổ sung)” ngày 11-02-2023, “Tờ cam kết “ ngày 14-3-2023 (từ bút lục số 30 đến số 35); Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 56/2023/QĐ-CCTLCC ngày 05-6-2023 (bút lục số 22); mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nhưng Chị Trần Thị Kim T cố tình vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện cũng như đối với tài liệu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ khác nên Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Xét thấy, giữa các đương sự có giao kết hợp đồng vay tài sản là số tiền 1.150.000.000 đồng vào ngày 13-6-2022 là thật; đã được Văn phòng công chứng B công chứng số 7154, quyền số 15/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13-6-2022; chị T không có văn bản phản đối; nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân

sự và được xác định là chứng cứ có giá trị chứng minh tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại các Điều 93, 94, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T không cung cấp được tài liệu thể hiện đã trả được khoản tiền nào cho ông A kể từ ngày 13-6-2022 cho đến nay; vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét khấu trừ bất cứ khoản tiền nào vào số nợ phát sinh của chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do, chị T vi phạm cam kết nên phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 1.150.000.000 đồng cho ông A là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[3] Xét yêu cầu tính lãi, thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác định là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Mức lãi 4%/tháng các bên thỏa thuận là vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên cần xem xét tính lãi cho phù hợp, cụ thể:

- Lãi trên nợ gốc số tiền 1.150.000.000 đồng trong hạn của 01 năm (từ ngày 13-6-2022 đến 13-6-2023), mức lãi suất 20%/năm, thành tiền là 230.000.000 đồng.

- Lãi trên nợ gốc số tiền 1.150.000.000 đồng quá hạn từ ngày 14-6-2023 đến ngày 10-8-2023 là 01 tháng 27 ngày, với mức lãi suất 30%/năm; thành tiền là 54.625.000 đồng.

Tổng tiền lãi phải trả của khoản nợ gốc là 284.625.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi 192.000.000 đồng đã trả; còn lại 92.625.000 đồng là tiền lãi chị T còn phải có trách nhiệm trả.

[4] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc chị T có trách nhiệm trả cho ông A số tiền nợ gốc là 1.150.000.000 đồng và tiền lãi là 92.625.000 đồng.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

[6.1] Chị T phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: $36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (1.242.625.000 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) = 49.278.750 \text{ đồng}$.

[6.2] Ông A thuộc trường hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016, nên được miễn án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 5 Luật Công chứng năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Phan Văn A về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với Chị Trần Thị Kim T.

Chị Trần Thị Kim T có trách nhiệm trả cho Ông Phan Văn A số tiền 1.242.625.000 (một tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn) đồng; trong đó, bao gồm: Nợ gốc 1.150.000.000 (một tỷ một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi là 92.625.000 (chín mươi hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Chị Trần Thị Kim T phải chịu 49.278.750 (bốn mươi chín triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi) đồng.

3.2. Ông Phan Văn A thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- THADS Huyện D;
- Đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Thanh Tòng

